



Hoạt động của ngành thủy sản tỉnh còn mang nặng tính tự cung, tự cấp, kỹ thuật lạc hậu.

## GIẢI PHÁP TÍN DỤNG NGÂN HÀNG NHẪM PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NAM ĐỊNH

VŨ THANH LIÊM

**B**ám sát mục tiêu phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước, những năm qua Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Nam Định đã quan tâm chú trọng đầu tư; Ngành Thủy sản đã có bước phát triển nhảy vọt (Giá trị sản xuất của ngành bình quân hàng năm tăng 14,35 %); Diện tích nuôi trồng thủy sản đạt 14.200 ha chiếm 62,69% diện tích có khả năng khai thác; Giá trị chế biến thủy sản xuất khẩu năm 2006 ước đạt 4,0 triệu USD. Song bên cạnh đó cũng còn rất nhiều hạn chế:

- *Về chế biến:* Giá trị xuất khẩu thủy sản đạt thấp, chưa tương xứng với tiềm năng nguồn lợi biển được thiên nhiên ưu đãi của tỉnh nhà. Cơ cấu sản phẩm còn đơn điệu, ít có sản phẩm có giá trị, đa số các sản

phẩm được tiêu thụ nội địa, sản phẩm đủ tiêu chuẩn xuất khẩu thì chủ yếu xuất qua đường tiểu ngạch. Cơ sở chế biến đặc biệt là chế biến xuất khẩu còn quá nghèo nàn, lạc hậu.

- *Về khai thác:* Cơ cấu đội tàu khai thác còn bất hợp lý: Số lượng tàu thuyền có công suất lớn chiếm tỷ trọng thấp. Đội tàu công suất nhỏ chậm được chuyển đổi còn chiếm tỷ trọng cao. Hiệu quả đội tàu khai thác nhất là đội tàu khai thác xa bờ bằng vốn vay Nhà nước và Ngân hàng còn thấp.

- *Về nuôi trồng:* cơ sở hạ tầng nuôi trồng còn hạn chế, năng suất nuôi trồng thủy sản chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và các thành tựu khoa học, chưa đạt sự ổn định và bền vững. Công tác tư vấn và hệ thống dịch vụ, hậu cần chưa theo kịp với tốc độ phát triển của phong trào

Sở dĩ còn những hạn chế trên là

do có một số tồn tại chính cần sớm được khắc phục đó là:

- *Một là:* Các ngành, các cấp chưa nhận thức đầy đủ tiềm năng kinh tế biển nói chung và phát triển thủy sản nói riêng, nên chưa có biện pháp để huy động tối đa nguồn lực đầu tư cho kinh tế thủy sản đồng bộ và đúng mức

- *Hai là:* Hoạt động của ngành thủy sản còn mang nặng tính tự cung, tự cấp, kỹ thuật lạc hậu. Cơ sở hạ tầng còn nghèo nàn, đầu tư thiếu đồng bộ, chưa thực sự khai thác hết tiềm năng sẵn có, do vậy còn thiếu nhiều dự án khả thi cho công tác đầu tư vốn Ngân hàng. Mặt khác do tình hình thiên tai, dịch bệnh tôm xảy ra ở nhiều vùng nuôi trồng, cộng với sự gia tăng của giá dầu và nhiên liệu tăng nhanh trong những năm gần đây làm giảm sút hiệu quả kinh tế, gây tâm lý bất an cho người nuôi tôm cũng như những nhà đầu tư không

manh dạn tham gia đầu tư vào lĩnh vực này.

- **Ba là:** Dịch vụ hậu cần nghề cá ở Nam Định còn nhiều hạn chế. Nhiều nơi không có bến cảng, vùng neo đậu an toàn, luồng lạch và các cửa biển ngày càng bị bồi cạn, gây khó khăn cho tàu thuyền ra vào cửa.

- **Bốn là:** Quá trình kiểm dịch một số cây con ở huyện, thành thị chưa có sự gắn kết chặt chẽ với chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản. Bên cạnh đó Hiệp hội nghề cá trên địa bàn tỉnh chưa được thành lập (toàn tỉnh mới có một Hiệp hội nghề cá được thành lập tại huyện Hải Hậu), do vậy việc tương trợ giúp đỡ nhau về kinh nghiệm sản xuất nuôi trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản gặp nhiều khó khăn. Thị trường tiêu thụ sản phẩm còn hạn hẹp, chưa có hệ thống phân phối, tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân.

- **Năm là:** Nguồn vốn đầu tư cho phát triển thủy sản còn quá nhỏ so với yêu cầu, tiến độ thực hiện một số dự án còn chậm và kéo dài, chưa thực hiện đúng tinh thần nghị quyết XVII của Ban thường vụ Tỉnh ủy (theo nghị quyết XVII vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng hàng năm tăng 30% so với tổng mức đầu tư năm 2001). Vốn đầu tư chủ yếu là dựa vào nguồn vốn Ngân sách Nhà nước, trong khi đó Nam Định là một tỉnh nghèo, hầu hết các năm qua đều bội chi Ngân sách. Điều kiện kinh tế của nông, ngư dân còn nghèo, suất đầu tư cho nuôi trồng thủy sản lại lớn hơn rất nhiều so với sản xuất nông nghiệp. Vốn tín dụng Ngân hàng đầu tư lại rất hạn hẹp, tính đến 31/12/2006 dư nợ cho vay ngành Thủy sản mới đạt 510 tỷ đồng, chiếm 9,8% tổng dư nợ của các TCTD trên địa bàn. Công tác cho vay phát triển ngành Thủy sản chưa tạo được sự phát triển đồng bộ các khâu, các nghề, mới tập trung cho vay các dự án thuộc nghề nuôi trồng thủy sản là chủ yếu còn coi nhẹ cho vay các dự án khai thác đánh bắt và chế biến sản phẩm thủy sản. Cơ cấu cho vay chưa hợp lý, chủ yếu tập trung vào ngắn hạn. Cho vay còn nghiêng về tài sản thế chấp nợ vay vì thế chưa phát huy hết tiềm năng của ngành Thủy sản. Mặt khác ngành Thủy sản tiềm ẩn

rất nhiều rủi ro trong khi Nhà nước chưa có cơ chế ưu đãi riêng về xử lý rủi ro cho ngành Thủy sản do vậy phần nào không khuyến khích các Ngân hàng mạnh dạn đầu tư cho thủy sản.

Trước những kết quả đạt được và tồn tại cần khắc phục. Để thực hiện thắng lợi mục tiêu, phương hướng phát triển ngành Thủy sản Nam Định giai đoạn 2006-2010. Dự kiến vốn đầu tư cho ngành Thủy sản khoảng 1.072,5 tỷ đồng, bao gồm: Vốn ngân sách là 264,5 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 105 tỷ đồng, vốn tín dụng và vốn huy động trong dân là 548 tỷ đồng, chiếm khoảng 51% tổng nhu cầu vốn. Do vậy cần có các giải pháp tín dụng Ngân hàng nhằm phát triển ngành Thủy sản để đạt được mục tiêu đã đề ra

**1. Nhóm giải pháp mở rộng hoạt động tín dụng**

- **Một là: Mở rộng cho vay theo mô hình hiện tại:** Hoạt động tín dụng cho vay ngành Thủy sản của các Ngân hàng trong những năm qua đã có sự phát triển và tăng trưởng nhảy vọt (tốc độ tăng trưởng dư nợ bình quân đạt 36,84%/năm). Các Ngân hàng cần tiếp tục duy trì cho vay theo các mô hình hiện tại đang áp dụng có hiệu quả

- **Hai là: Chú trọng đầu tư đối với những vùng đã qui hoạch:** Đối với những vùng đã được qui hoạch sản xuất thủy sản, cần phải xây dựng các dự án cụ thể để có thể thực hiện cho vay theo dự án với qui mô tương đối lớn. Phải chú trọng hơn nữa việc đầu tư vào các dự án trọng điểm. Cho vay theo dự án phải được tiến hành đồng bộ, nhờ đó các dự án mới có thể nhanh chóng được triển khai, đồng thời Ngân hàng sẽ tăng trưởng tín dụng mạnh mẽ và vững chắc hơn.

- **Ba là: Mở rộng cho vay đối với khu vực chế biến, các cơ sở chế biến sau thu hoạch:** Doanh số cho vay chế biến thủy hải sản của các Ngân hàng trên địa bàn trong những năm qua thấp (bình quân doanh số cho vay từ năm 2001-2006 là 131,6 tỷ đồng / năm). Vì vậy trong thời gian tới Ngân hàng nên bám sát các trương trình, đề án phát triển cơ sở chế biến sau thu hoạch để đầu tư vốn cho các chương trình, đề án này

- **Bốn là: Mở rộng cho vay đối với chế biến xuất khẩu:** Tuy giá trị xuất khẩu thủy hải sản đều tăng qua các năm, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu. Thực trạng chế biến xuất khẩu thủy sản tại Nam Định trong những năm qua chủ yếu mới dừng lại ở dạng đơn điệu so với nhu cầu thị trường xuất khẩu, (trên địa bàn toàn tỉnh duy nhất chỉ có một doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu còn lại tham gia trong lĩnh vực này chủ yếu vẫn là một số doanh nghiệp tư nhân nhưng trang thiết bị phục vụ chế biến xuất khẩu thủy sản chưa được thực sự đổi mới) sản phẩm chủ yếu ở dạng sơ chế và phải xuất khẩu qua con đường tiểu ngạch sang Trung Quốc là chính. Vì vậy cần mở rộng cho vay đối với chế biến xuất khẩu

- **Năm là: Thực hiện đầu tư tín dụng theo mô hình kinh tế trang trại:** Tiềm năng của ngành Thủy sản Nam Định còn rất lớn, do đó nhu cầu vốn để đầu tư, nguồn lực lao động kỹ thuật cũng như những nhu cầu khác rất mạnh. Với những vùng đã được quy hoạch tổng thể nhất là những vùng nuôi tôm nên xây dựng mô hình kinh tế trang trại và các Ngân hàng nên mở rộng đầu tư tín dụng cho mô hình kinh tế này kết hợp với đầu tư có trọng điểm và khép kín sẽ mang lại nhiều lợi ích. Khi đó sẽ tạo điều kiện giúp cho các chủ trang trại có kế hoạch đầu tư lâu dài, mua sắm các tư liệu sản xuất cần thiết, thuê mướn lao động, ký hợp đồng với các đối tác

- **Sáu là: Xây dựng mô hình tổ vay vốn và tiết kiệm theo ngành nghề:** Về lĩnh vực cho vay hộ sản xuất, các Ngân hàng trên địa bàn tỉnh Nam Định đã rất thành công ở mô hình cho vay qua tổ vay vốn và tiết kiệm được thành lập trên cơ sở lũy tre xanh, thôn xóm, đội (nhất là NHNo). Tuy nhiên đối với các hộ sản xuất thủy sản đặc biệt là hộ khai thác đánh bắt, ngư trường sản xuất thường ở ngoài khơi trên phạm vi cả nước do vậy nếu chỉ thành lập tổ vay vốn theo lũy tre xanh thì vẫn gây bất lợi cho Ngân hàng trong việc kiểm tra giám sát và thu hồi gốc lãi tiền vay. Thành lập tổ vay vốn và tiết kiệm theo ngành nghề sản xuất dưới sự bảo lãnh của Hiệp hội nghề cá hoặc các

công ty bao tiêu sản phẩm sẽ rất thuận lợi cho Ngân hàng, khắc phục được những tồn tại hạn chế trên, mặt khác đối với các hộ vay vốn thủy sản sẽ cộng đồng trách nhiệm hơn trong việc thanh toán nợ vay, họ gắn nhau hơn, có điều kiện hơn giúp đỡ nhau về kinh nghiệm sản xuất kinh doanh.

- **Bảy là: Đa dạng hoá các phương thức cấp tín dụng:** Thời gian qua, các Ngân hàng trên địa bàn thường cho vay đối với ngành Thủy sản theo 3 phương thức chủ yếu đó là: Cho vay theo dự án đầu tư, cho vay từng lần và cho vay theo hạn mức tín dụng. Để thực hiện mở rộng hoạt động tín dụng Ngân hàng nên đa dạng hoá các phương thức cho vay. Ngoài phương thức trên Ngân hàng có thể áp dụng các phương thức cho vay khác như cho vay theo hợp vốn, hoặc phương thức cho thuê tài chính... áp dụng phương thức cho vay nào là còn tùy thuộc vào đặc điểm của lĩnh vực sản xuất cũng như đặc điểm của từng loại khách hàng.

- **Tám là: Tăng cường khả năng thẩm định dự án, phương án SXKD:** Trong cho vay không nên quá đề cao điều kiện vay vốn là tài sản đảm bảo tiền vay mà không chú trọng đúng mức đến tính khả thi, tính hiệu quả của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dẫn đến người vay không có hoặc không đủ nguồn thu để trả nợ Ngân hàng, buộc Ngân hàng phải phát mãi tài sản đảm bảo tiền vay để thu hồi nợ. Điều này xét về lợi ích xã hội, lợi ích người vay và cả Ngân hàng đều không đạt được. Nếu khâu thẩm định còn yếu kém thì việc thẩm định sẽ không chính xác, nhầm lẫn. Trong trường hợp này dẫn đến hậu quả là dự án thực hiện không có hiệu quả gây rủi ro cho Ngân hàng, hoặc có thể bỏ qua nhiều dự án tốt, nhiều phương án sản xuất kinh doanh khả thi làm lỡ mất cơ hội kinh doanh của Ngân hàng. Vì vậy khi xét duyệt cho vay điều kiện quan trọng nhất là phải thẩm định tính khả thi và hiệu quả của dự án, phương án sản xuất kinh doanh.

- **Chín là: Bảo đảm tiền vay:** Có thể cho rằng tài sản bảo đảm tiền vay là nguồn thu nợ thứ hai của Ngân hàng khi khách hàng vay gặp

rủi ro không có khả năng trả nợ, cho nên khi cho vay Ngân hàng phải thực hiện cơ chế đảm bảo tiền vay để giảm rủi ro. Ngân hàng cho vay không có đảm bảo tiền vay đối với những hộ vay theo quyết định số 67/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 03 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ để nuôi trồng thủy sản là chủ yếu, cho vay tối đa đến 10 triệu đồng. Với mức vốn này thì không đủ đáp ứng cho việc đầu tư nuôi trồng (theo khảo sát thực tế thì chi phí BQ cho 1 ha nuôi tôm công nghiệp khoảng 150 triệu đồng/ha, nuôi cua là 100 triệu đồng/ha). Vì vậy Ngân hàng nên tăng mức tiền vay không phải bảo đảm bằng tài sản lên cao hơn khoảng 20 triệu đồng (ngành Thủy sản chứa đựng nhiều rủi ro, cho nên các Ngân hàng cũng không thể mạnh dạn cho không có đảm bảo)

Cho vay có đảm bảo đối với ngư dân và khách hàng có nhu cầu vay vốn lớn. Để mở rộng hoạt động tín dụng thì phải giải quyết được vấn đề bảo đảm tiền vay bằng cách: Triệt để vận dụng cho vay ưu đãi đối với hộ nông dân, chủ trang trại sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp mang tính sản xuất hàng hoá theo thông tư số 03/2003/TT-NHNN, ngày 24/02/2003 của Thống đốc NHNN về hướng dẫn cho vay không phải bảo đảm bằng tài sản theo Nghị quyết số 02/2003/NQ-CP ngày 17/01/2003 của Chính phủ

+ Đối với những hộ nuôi trồng thủy sản quy mô lớn thì việc đầu tư cơ sở hạ tầng như hệ thống ao, hồ, đầm, các trại sản xuất giống, máy móc thiết bị... đây là những tài sản có giá trị trên thị trường và dễ mua bán, do đó Ngân hàng có thể mở rộng tài sản đảm bảo tiền vay bằng các tài sản này nhằm giúp các hộ sản xuất có thể thực hiện đảm bảo tiền vay bằng tài sản hình thành từ vốn vay để vay vốn Ngân hàng và tăng khả năng mở rộng tín dụng của Ngân hàng.

+ Đối với những hộ vay vốn có tài sản cầm cố, thế chấp như phương tiện tàu cá... thì phải thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm Quốc gia. Trong trường hợp này phải xem xét kỹ tính khả thi của dự án và tư cách của người vay;

Đối với những hộ vay vốn có tài sản thế chấp là đất và tài sản gắn liền với đất cũng phải đăng ký giao dịch đảm bảo.

- **Mười là: Tổ chức và khai thác tối tối đa nguồn thông tin phục vụ công tác tín dụng:** Trong nền kinh tế thị trường khách hàng của Ngân hàng rất đa dạng và phức tạp. Yếu tố đầu tiên Ngân hàng dựa vào để quyết định đầu tư vốn vay hay không đó chính là sự hiểu biết nhất định về khách hàng cũng như về phương án, hay dự án vay vốn. Mức độ hiểu biết này phụ thuộc vào lượng thông tin thu thập được. Thông tin là cơ sở để cán bộ tín dụng phân tích, đánh giá khách hàng, thẩm định phương án, dự án vốn. Nếu thông tin không chính xác sẽ dẫn đến kết quả tín dụng thiếu chính xác, ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng. Trong thực tế có tới gần 70% dư nợ quá hạn là do nguyên nhân thông tin không cân xứng. Do đó để thông tin chính xác các Ngân hàng cần phải thực hiện khai thác tối đa nguồn thông tin phục vụ cho công tác tín dụng

## 2. Nhóm các giải pháp hỗ trợ mở rộng hoạt động tín dụng

- **Một là: Xây dựng chiến lược kinh doanh:** Cơ chế thị trường làm cho quan hệ khách hàng và Ngân hàng trở nên bình đẳng và cạnh tranh trong lĩnh vực Ngân hàng không ngừng tăng lên, đặc biệt trong giai đoạn hiện nay, nền kinh tế nước ta đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO thì cạnh tranh trong lĩnh vực hoạt động Ngân hàng đã là hiện thực và diễn ra hết sức khốc liệt. Để nâng cao sức cạnh tranh, chiếm lĩnh thị trường mỗi Ngân hàng cần phải xây dựng chiến lược kinh doanh riêng, có đủ sức cạnh tranh lâu dài và bền vững, mang tính khoa học và khả thi cao, đồng thời phát huy được những thế mạnh sẵn có của mình.

- **Hai là: Giải pháp về huy động vốn:** Với sự kiện lịch sử trọng đại, đất nước ta gia nhập tổ chức Thương mại quốc tế WTO. Nền kinh tế nước ta đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức, hoạt động kinh doanh chung và kinh doanh Ngân hàng nói riêng đã thực sự đặt trong môi trường kinh doanh mới cạnh tranh khốc liệt. Để bứt

phá vỡ lên, tránh rơi vào tình trạng phá sản. Ngân hàng buộc phải gia tăng nguồn vốn kinh doanh, bởi vì nó quyết định đến qui mô hoạt động, cơ cấu đầu tư, năng lực cạnh tranh, năng lực quản lý và mục tiêu lợi nhuận của chính bản thân Ngân hàng đó. Trong cơ chế thị trường, với phương châm đi vay để cho vay. Vốn huy động là cơ sở để Ngân hàng tăng trưởng dư nợ, chủ động đầu tư phát triển nền kinh tế nói chung và phát triển ngành Thủy sản nói riêng. Muốn mở rộng nguồn vốn huy động, Ngân hàng cần nghiên cứu, thực hiện tốt các giải pháp sau:

- + Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn
- + Có chính sách ưu đãi đối với khách hàng có số dư tiền gửi lớn
- + Tiếp tục thực hiện chính sách lãi suất huy động linh hoạt hơn nữa trong công tác huy động vốn
- + Mở rộng huy động vốn bằng ngoại tệ, mở thêm hình thức huy động vốn bằng vàng.

- Ba là: *Thực hiện chế độ thi đua-khen thưởng*: Để tạo nên sức và động lực mới đủ mạnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao. Ngân hàng nên xây dựng cụ thể và thường xuyên thực hiện qui chế thi đua-khen thưởng đối với tập thể và cá nhân trong đơn vị có thành tích cao, xét thưởng toàn diện trên tất cả các lĩnh vực hoạt động trong

đó trú trọng trong công tác huy động vốn và cho vay

- Bốn là: *Tăng tỷ trọng cho vay trung dài hạn*: Hạn chế lớn nhất của ngành Thủy sản Nam Định trong thời gian qua đó là: Cơ sở vật chất kỹ thuật trong các lĩnh vực của ngành Thủy sản còn nghèo nàn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Nhu cầu vốn để đầu tư phát triển ngành Thủy sản rất lớn, trong khi đó vốn NS NN chỉ đáp ứng được một phần nhưng đôi khi lại không đáp ứng kịp thời, vốn nước ngoài và vốn của dân rất ít, do đó các doanh nghiệp và các hộ sản xuất khi cần vốn cho đầu tư phát triển mở rộng sản xuất kinh doanh thì đều trông mong vào vốn tín dụng Ngân hàng. Như vậy nhu cầu vốn trung dài hạn của ngành Thủy sản Nam Định trong thời gian tới là rất cần thiết. Do đó, để mở rộng hoạt động tín dụng Ngân hàng cần tăng tỷ trọng đầu tư tín dụng trung dài hạn.

- Năm là: *Tăng cường hoạt động thanh toán quốc tế*: Nền kinh tế nước ta đã bước vào hội nhập kinh tế khu vực và thế giới, giao lưu kinh tế ngày càng mở rộng, hoạt động xuất nhập khẩu sẽ ngày càng phát triển cả về số lượng, chất lượng và kỹ thuật nghiệp vụ. Khi đó xuất nhập khẩu thủy sản sẽ phát triển mạnh mẽ. Vì vậy yêu cầu tăng cường hoạt động thanh toán

quốc tế trở thành bức xúc đối với các Ngân hàng trên địa bàn Nam Định.

- Sáu là: *Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát*: Kiểm tra, kiểm soát trước và trong suốt quá trình cho vay là việc làm rất cần thiết đối với Ngân hàng. Một mặt khi kiểm tra sẽ giúp cho khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích, có hiệu quả, mặt khác nó sẽ giúp cho Ngân hàng nâng cao khả năng thu hồi cả vốn lẫn lãi. Do đó Ngân hàng cần tăng cường thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát cho tốt vì nó chính là một trong những nhân tố quyết định đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng

- Bảy là: *Hạn chế rủi ro cho ngành Thủy sản*: Rủi ro trong hoạt động tín dụng Ngân hàng gắn liền với rủi ro của khách hàng. Do đó, khi ngành Thủy sản rủi ro lập tức Ngân hàng sẽ gặp rủi ro. Sản xuất thủy sản lại phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên như: thiên tai, dịch bệnh... đòi hỏi phải có biện pháp phòng chống hiệu quả. Muốn vậy phải tăng cường mở các lớp bồi dưỡng về trình độ chuyên môn, công tác quản lý và tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cho ngư dân nghiên cứu học tập, để họ có thể lường trước những diễn biến phức tạp có thể xảy ra ■

## BIDV CHUẨN BỊ

(Tiếp theo trang 10)

thiện để kịp Phát hành vào dịp 26/4/2007).

- Xây dựng cuốn *Hồi ký "Nhà chế tạo Ngân hàng Đầu tiên Phát triển Việt Nam"* và *Tạp chí* là những căn bản lâu bền trong ngành. Xây dựng cuốn *Bảng vàng truyền thống* (Ghi nhận những phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước).

- Xây dựng cuốn *Bảo ảnh*: nhằm tái hiện lịch sử BIDV qua 50 năm xây dựng và trưởng thành bằng hình ảnh giúp cho thế hệ hiện tại và tương lai hiểu rõ hơn về truyền thống và những đóng góp của BIDV đối với nền kinh tế - xã

hội đất nước. *Khởi dậy niềm tự hào về lịch sử, cội nguồn, truyền thống ngành* là nguồn gốc từ những giá trị truyền thống và lòng tự hào của người lao động nước ta. *Đang xây dựng cuốn phần thi liên ngành* nhằm "Nhà chế tạo với sự nghiệp Đầu tư Phát triển".

- Xây dựng *Đề cương Văn hóa doanh nghiệp*: nhằm phát huy giá trị Văn hóa BIDV 50 năm qua, bao gồm:

- + Bộ Quy tắc ứng xử
- + Bộ Quy tắc đạo đức nghề nghiệp

Các nội dung trên đang cùng tư vấn hội thảo để ban hành

- Tổ chức *Hội diễn Văn nghệ*

quân chúng "Tiếng hát của người lao động BIDV" được tổ chức tại 6 khu vực và Hội diễn toàn ngành tại Thủ đô Hà Nội từ hôm nay ngày 16/4/2007 tại Công viên hóa Hữu nghị Hà Nội.

Trong năm kỷ niệm 50 năm, BIDV cũng thực hiện nhiều chương trình từ thiện xã hội vì cộng đồng gắn với con số 50 như: xây dựng 50 ngôi nhà tình nghĩa, ủng hộ 50 suất học bổng cho học sinh nghèo vượt khó, 50 số tiết kiệm cho các gia đình khó khăn...

Lễ kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống dự kiến tổ chức từ ngày 16 đến ngày 26/4/2007 tại Trung tâm Hội nghị quốc gia ■

LINH CHI